Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

SỐ TỔNG KẾT QUÝ II - RA NGÀY 29/7/2022

BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhtth@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
47/GP-XBBT ngày 19/8/2021

TÌNH HÌNH CHUNG 3

THỊ TRƯỜNG CAO SU 4

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ 9

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU 15

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ 20

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN 24

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN 29

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ 34

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ 37

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

► Cao su: Quý 2/2022, thị trường cao su bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, khủng hoảng địa chính trị, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu cao và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. ANRPC dự báo nguồn cung cao su toàn cầu tiếp tục thiếu hụt so với nhu cầu trong các năm tới. 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cao su của hầu hết các thị trường lớn trên thế giới tăng so với cùng kỳ năm 2021, trừ nhập khẩu của Trung Quốc và Ấn Độ giảm.

► Cà phê: Quý 2/2022, giá cà phê thế giới nhìn chung ở mức thấp do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu. Tháng 7/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục duy trì ở mức thấp.

► Hạt điều: Theo Tổng cục Phát triển Hạt điều và Ca cao (DCCD) Ấn Độ, nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng, nhập khẩu hạt điều thô của Ấn Độ sẽ chạm mốc 1 triệu tấn trong năm nay. Theo Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu hạt điều của nước này 5 tháng đầu năm 2022 đạt 22 nghìn tấn, trị giá 171,4 triệu USD, giảm 4,3% về lượng và giảm 5,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

► Rau quả: Châu Á chiếm 69% thị phần sản xuất dưa trên toàn cầu. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Chilê xuất khẩu 1,82 triệu tấn trái cây tươi, đạt 3,899 triệu USD, tăng 8,3% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

► Sắn và sản phẩm từ sắn: Trong quý 2/2022, giá sắn tại Thái Lan tăng so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, giá sắn tại Thái Lan có xu hướng giảm trở lại trong mấy tuần gần đây. 5 tháng đầu năm 2022, nhu cầu nhập khẩu sắn của các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2021.

► Thủy sản: Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) dự báo 3 kịch bản cho ngành thủy sản toàn cầu vào năm 2050. Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của các thị trường lớn có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại so với các tháng đầu năm 2022.

► Gỗ và sản phẩm gỗ: Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc tăng 0,7% trong nửa đầu năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

► Cao su: từ tháng 5/2022 đến nay, giá cao su tại thị trường trong nước có xu hướng giảm. Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý 2/2022 tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu tiêu thụ toàn cầu tăng.

► Cà phê: Theo Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam, sản lượng cà phê năm 2022 thấp hơn năm 2021 do năng suất thấp. Ngày 29/7/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng so với cuối tháng 6/2022. Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam gặp khó khăn do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu và chính sách "zezo Covid" của Trung Quốc. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Đức, Pháp và Nhật Bản tăng.

► Hạt điều: Xuất khẩu hạt điều quý 2/2022 tăng 37,5% về lượng và tăng 40,1% về trị giá so với quý 1/2022, nhưng giảm 10% về lượng và giảm 11% về trị giá so với quý 2/2021. 5 tháng đầu năm 2022, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Anh tăng.

► Rau quả: Tháng 7/2022, xuất khẩu hàng rau quả tăng trưởng tháng thứ 2 liên tiếp, kim ngạch đạt 260 triệu USD, tăng 0,3% so với tháng 6/2022, nhưng vẫn giảm 1,8% so với tháng 7/2021. Thị phần hàng rau quả của Việt Nam tăng tại các thị trường nhập khẩu lớn, trừ thị trường Pháp, Ca-na-đa và Nhật Bản.

► Sắn và sản phẩm từ sắn: Xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam trong quý 2/2022 tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu sắn và các sản phẩm sắn toàn cầu tăng.

► Thủy sản: Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý 2/2022 tăng, trong khi sản lượng thủy sản khai thác giảm. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn nhưng xuất khẩu thủy sản trong quý 2/2022 vẫn tăng trưởng khả quan.

► Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 7/2022 đạt 1,35 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng 7/2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tháng 7/2022 ước đạt 1,05 tỷ USD, tăng 0,5% so với tháng 7/2021. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

▶ *Quý 2/2022, thị trường cao su bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, khủng hoảng địa chính trị, tình trạng thiếu container, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu tăng mạnh và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.*

▶ *ANRPC dự báo nguồn cung cao su toàn cầu tiếp tục thiếu hụt so với nhu cầu trong các năm tới.*

▶ *Giá cao su tại trường trong nước có xu hướng giảm kể từ tháng 5/2022 đến nay.*

▶ *Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý 2/2022 tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu tăng.*

▶ *5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cao su của hầu hết các thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới tăng so với cùng kỳ năm 2021, trừ nhập khẩu của Trung Quốc và Ấn Độ giảm.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong quý 2/2022, thị trường cao su bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, khủng hoảng địa chính trị, tình trạng thiếu container, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu tăng mạnh và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt trên thế giới biến động mạnh trong quý 2/2022, giá có xu hướng tăng mạnh trong 15 ngày đầu tháng 4/2022, sau đó giảm đến hết tháng 5 và phục hồi trở lại trong tháng 6/2022. Trong tháng 7/2022, giá có xu hướng giảm, cụ thể:

Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn Osaka từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: Yên/kg)

Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản giá cao su đạt đỉnh vào ngày 15/4/2022 ở mức 272,6 Yên/kg, sau đó giảm xuống mức 238 Yên/kg vào ngày 13/5/2022, phục hồi lên mức 262 Yên/kg vào ngày 28/6/2022, sau đó giảm trở lại. Ngày 28/7/2022, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 251,5 Yên/kg (tương đương 1,86 USD/kg), giảm 3,5% so với cuối tháng 6/2022, nhưng tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su liên tục giảm mạnh so với quý 1/2022. Sau khi giảm xuống mức 12.345 NDT/tấn vào ngày 09/5/2022, giá có xu hướng tăng trở lại trong tháng 5, sau đó quay đầu giảm từ đầu tháng 6/2022 đến ngày 22/7/2022. Giá cao su có xu hướng tăng nhẹ trong mấy phiên cuối tháng 7/2022, nhưng so với cuối tháng 6/2022 vẫn ở mức thấp hơn. Ngày 28/7/2022, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 12.100 NDT/tấn (tương đương 1,79 USD/kg), giảm 4,8% so với cuối tháng 6/2022 và giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá cao su giao tại sàn SHFE từ đầu năm 2022 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)

Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su biến động mạnh trong quý 2/2022. Sau khi giảm xuống mức 67,7 Baht/kg vào ngày 28/4/2022, giá tăng lên mức 73,1 Baht/kg vào ngày 06/6/2022, nhưng sau đó giảm trở lại do nguồn cung cao trong mùa cao điểm khai thác mủ ở Thái Lan. Ngày 28/7/2022, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 61,2 Baht/kg (tương đương 1,67 USD/kg), giảm 7,4% so với cuối tháng 6/2022, nhưng vẫn cao hơn 10,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: Baht/kg)

Nguồn: thainr.com

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), triển vọng thị trường cao su tự nhiên dự kiến sẽ cải thiện hơn trong năm 2022. Trong tháng 6/2022, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đạt 1,113 triệu tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2021; trong khi tiêu thụ đạt 1,206 triệu tấn, tăng 5,8% so với tháng 6/2021. Do đó nguồn cung thiếu hụt khoảng 93 nghìn tấn. ANRPC dự báo nguồn cung cao su toàn cầu tiếp tục thiếu hụt so với nhu cầu trong các năm tới.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong quý 2/2022, giá mủ cao su nguyên liệu tại một số tỉnh biến động mạnh, giá có xu hướng tăng mạnh trong tháng 4/2022, sau đó giảm trở lại trong tháng 5 và tháng 6/2022. Xu hướng giảm giá tiếp tục diễn ra trong tháng 7/2022.

Hiện nay, tại Bình Phước, giá mủ cao su nước được Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng thu mua ở mức 307 đồng/độ TSC, giảm 16 đồng/độ TSC; giá mủ tạp thu mua ở mức 290 đồng/độ DRC, giảm 10 đồng/độ DRC so với cuối tháng 6/2022. Tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao su nguyên liệu của Công ty cao su Phước Hòa dao động ở mức 311-313 đồng/độ TSC. Giá mủ cao su Gia Lai được Công ty cao su Mang Yang thu mua với giá 285-295 đồng/độ TSC, giảm 10 đồng/độ TSC so với cuối tháng 6/2022.

Theo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng khai thác mủ cao su của toàn Tập đoàn ước đạt 128,6 nghìn tấn, đạt 32,7% kế hoạch và vượt 4% kế hoạch 6 tháng đầu năm; thu mua được khoảng 26 nghìn tấn mủ, đạt 32,4% kế hoạch năm; chế biến được khoảng 142,8 nghìn tấn cao su các loại, đạt 30,3% kế hoạch;

tiêu thụ khoảng 172 nghìn tấn, đạt 36,1% kế hoạch, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2021. Hiện diện tích cao su Tập đoàn đang quản lý gần 402.650 ha (trong nước hơn 288.101 ha; tại Căm-pu-chia hơn 87.891 ha và tại Lào hơn 26.657 ha). Trong đó, diện tích cao su kinh doanh gần 259.000 ha, kiến thiết cơ bản là 120.000 ha, diện tích tái canh năm 2021 gần 6.500 ha.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý 2/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 380,33 nghìn tấn, trị giá 646,38 triệu USD, tăng 23,6% về lượng và tăng 22,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý 2/2022 tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu tăng.

Kim ngạch xuất khẩu cao su theo quý giai đoạn 2020 – 2022 (ĐVT: triệu USD)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu: Trong quý 2/2022, cao su của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang khu vực châu Á, chiếm tới 87,5% tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước. Quý 2/2022, xuất khẩu cao su sang khu vực châu Á đạt 335,25 nghìn tấn, trị giá 565,4 triệu USD, tăng 31,6% về lượng và tăng 31,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam (% tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, trong quý 2/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang phần lớn các thị trường đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Việt Nam, với 256,09 nghìn tấn, trị giá 416,08 triệu USD, tăng 27,4% về lượng và tăng 26,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 64,4% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước.

Đứng thứ hai là Ấn Độ với 28,06 nghìn tấn, trị giá 50,89 triệu USD, tăng 93% về lượng và tăng 91,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,9% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước trong quý 2/2022.

Cơ cấu thị trường chính xuất khẩu cao su của Việt Nam

(% tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về chủng loại xuất khẩu: Trong quý 2/2022, phần lớn các chủng loại cao su xuất khẩu đều tăng trưởng tốt so với so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 64,4% tổng trị giá cao su xuất khẩu của cả nước, với 197,04 nghìn tấn, trị giá 333,38 triệu USD, tăng 13,6% về lượng và tăng 15,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,9% tổng trị giá hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp xuất khẩu của cả nước, với 196,87 nghìn tấn, trị giá 322,96 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam (% tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về giá xuất khẩu: trong quý 2/2022, giá xuất khẩu bình quân một số chủng loại cao su có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó đáng chú ý như: SVR 20 tăng 4,3%; Cao su hỗn hợp (HS 4005) tăng 14,8%; Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) tăng 1,3%; SVR 10 tăng 1,4%... Tuy nhiên, giá xuất khẩu bình quân một số chủng loại có xu hướng giảm như: SVR 3L giảm 5,8%; SVR CV60 giảm 7,8%; RSS3 giảm 5,5%; SVR CV50 giảm 6,5%; RSS1 giảm 11,9%...

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong 5 tháng đầu năm 2022, hầu hết các thị trường nhập khẩu cao su lớn đều tăng nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2021, trừ Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng nhập khẩu cao su của các thị trường này từ Việt Nam có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trung Quốc: Trong 5 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới, với kim ngạch đạt 5,59 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 797,13 triệu USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2021, thị phần cao su Việt Nam chiếm 14,3% trong tổng trị giá nhập khẩu cao su của Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2022, thấp hơn so với mức 15% của cùng kỳ năm 2021. Mỗi tháng Trung Quốc tiêu thụ khoảng 500 nghìn tấn cao su tự nhiên, trong khi nguồn cung nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 115 nghìn tấn, còn lại khoảng 385 nghìn tấn cao su tự nhiên cần phải nhập khẩu. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc khá lớn.

Hoa Kỳ: Trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ đạt 2,18 tỷ USD, tăng 29,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 36,57 triệu USD, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 1,7% trong tổng trị giá nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2022, thấp hơn so với mức 2,2% của cùng kỳ năm 2021. Kinh tế Hoa Kỳ dự báo tiếp tục hồi phục sẽ là tín hiệu lạc quan cho việc xuất khẩu cao su Việt Nam. Các nhà cung cấp dự kiến sẽ được hưởng lợi từ sự gia tăng sản xuất các sản phẩm cao su của Hoa Kỳ, chẳng hạn như lốp xe, ống mềm và dây đai, trong bối cảnh sản lượng thiết bị và máy móc vận tải ngày càng tăng.

5 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới trong 5 tháng đầu năm 2022 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Tổng nhập khẩu của các thị trường		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần cao su Việt Nam/tổng nhập khẩu (%)	
	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	5 tháng năm 2021	5 tháng năm 2022
Trung Quốc (*)	5.589.397	8,7	797.131	3,5	15,0	14,3
Hoa Kỳ	2.183.852	29,8	36.578	-0,2	2,2	1,7
Ma-lai-xi-a	1.420.192	-33,1	7.771	-19,0	0,5	0,5
Đức	1.099.640	13,9	28.153	-13,3	3,4	2,6
Ấn Độ (**)	1.087.510	10,9	107.960	49,7	7,4	9,9
Nhật Bản	906.768	13,1	8.410	-4,0	1,1	0,9

Nguồn: ITC, (*) Cơ quan Hải quan Trung Quốc, (**) Bộ Thương mại Ấn Độ

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- *Quý 2/2022, giá cà phê thế giới nhìn chung ở mức thấp do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu. Tháng 7/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục duy trì ở mức thấp.*
- *Theo Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam, sản lượng cà phê năm 2022 thấp hơn năm 2021 do năng suất thấp.*
- *Ngày 29/7/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng 900 đồng/kg so với cuối tháng 6/2022, lên mức 43.500 – 44.000 đồng/kg.*
- *Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đối mặt với khó khăn do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu và chính sách "zezo Covid" của Trung Quốc.*
- *5 tháng đầu năm 2022, thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Đức, Pháp và Nhật Bản tăng.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Quý 2/2022, giá cà phê thế giới nhìn chung ở mức thấp do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu. Đồng Real của Bra-xin suy yếu khiến người trồng cà phê Bra-xin đẩy mạnh bán hàng, gây áp lực lên nguồn cung.

Tháng 7/2022, giá cà phê thế giới tiếp tục duy trì ở mức thấp. Xung đột giữa Nga và U-crai-na chưa có dấu hiệu lắng dịu, lạm phát toàn cầu ở mức cao, các nền kinh tế lớn rơi vào suy thoái. Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) nâng lãi suất cơ bản thêm 75 điểm phần trăm, lên mức 2,25 – 2,5%/năm gây áp lực lên thị trường hàng hóa toàn cầu.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 29/7/2022, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 9/2022, tháng 11/2022 và tháng 1/2023 giảm lần lượt 0,1%, 0,05% và 0,95% so với ngày 29/6/2022, xuống còn 2.015 USD/tấn, 2.014 USD/tấn và 1.991 USD/tấn.

Diễn biến giá cà phê robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu tháng 4/2022 đến nay *(ĐVT: USD/tấn)*

Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, giá cà phê Arabica biến động không đồng nhất. Ngày 29/7/2022, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2022 tăng 0,3% so với ngày 29/6/2022, lên mức 218,4 Uscent/lb. Ngược lại, giá cà phê Robuta giao kỳ hạn tháng 12/2022 và tháng 3/2023 giảm lần lượt 0,5% và 1,7% so với ngày 29/6/2022, xuống còn 214,6 Uscent/lb và 209,85 Uscent/lb.

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 29/7/2022 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2022, tháng 12/2022 và tháng 3/2023 giảm lần lượt 2,7%, 3,0% và 3,8% so với ngày 29/6/2022, xuống còn 263,6 Uscent/lb, 260,65 Uscent/lb và 259,25 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 2.070 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn (tương đương mức giảm 0,1%) so với ngày 29/6/2022.

Theo báo cáo của Công ty tư vấn Safras & Mercados, hiện Bra-xin mới thu hoạch khoảng 48% vụ mùa, thấp hơn mức trung bình 5 năm là 58% vào cùng thời điểm do thiếu hụt nhân công thu hái và thời tiết không thuận lợi cho việc phơi sấy. Theo Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê Bra-xin (Cecafé), trong niên vụ cà phê 2021/2022 (từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022), Bra-xin xuất khẩu 39,589 triệu bao (bao 60 kg) cà phê các loại, trị giá 8,17 tỷ USD, giảm 13,3% về lượng, nhưng tăng 38,7% về trị giá so với niên vụ cà phê 2020/2021. Giá cà phê thế giới dự báo sẽ tiếp tục chịu tác động từ xung đột vũ trang tại Nga và U-crai-na chưa có dấu hiệu lắng dịu và báo cáo kinh tế Hoa Kỳ suy thoái, GDP quý 2/2022 suy giảm quý thứ 2 liên tiếp, mức giảm 0,9%.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu tháng 4/2022 đến nay *(ĐVT: Uscent/lb)*

Nguồn: Sàn giao dịch New York

TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ TĂNG MẠNH

Theo Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam, sản lượng cà phê năm 2022 thấp hơn năm 2021 do năng suất thấp. Sản lượng cà phê niên vụ 2021/2022 đạt 1,5 triệu tấn (hơn 95% sản lượng là cà phê Robusta), thấp hơn so với 1,62 triệu tấn trong niên vụ 2020/2021.

Quý 2/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa mặc dù có sự biến động mạnh, song có xu hướng tăng dần duy trì vào cuối tháng. Cuối tháng 4/2022, giá cà phê Robusta quanh mức 39.700 – 40.300 đồng/kg; cuối tháng 5/2022 tăng lên mức 41.600 – 42.000 đồng/kg; cuối tháng 6/2022 lên mức 42.600 – 43.100 đồng/kg. Bước sang tháng 7/2022, giá cà phê Robusta mặc dù có thời điểm giảm xuống mức thấp 40.800 – 41.300 đồng/kg (ngày 15/7/2022), tuy nhiên giá có xu hướng tăng dần. Ngày 29/7/2022, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng mạnh 900 đồng/kg so với cuối tháng 6/2022, lên mức 43.500 – 44.000 đồng/kg.

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ đầu tháng 4/2022 đến nay

Nguồn: Tintaynguyen.com

QUÝ 2/2022, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ GIẢM SO VỚI QUÝ 1/2022, NHƯNG TĂNG SO VỚI QUÝ 2/2021

Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đối mặt với khó khăn do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu và chính sách "zezo Covid" của Trung Quốc. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong quý 2/2022 đạt xấp xỉ 437,2 nghìn tấn, trị giá trên 1 tỷ USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 14,1% so với quý 1/2022, nhưng so với quý 2/2021 tăng 12% về lượng và tăng 35,6% về trị giá.

Trong quý 3/2022, Việt Nam vẫn còn khoảng 500 nghìn tấn cà phê để xuất khẩu. Dự báo xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều khó khăn. Ước tính, xuất khẩu cà phê của nước ta trong tháng 7/2022 đạt 125 nghìn tấn, trị giá 284 triệu USD, giảm 9,0% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với tháng 6/2022. Giá xuất khẩu bình quân cà phê tháng 7/2022 ước đạt mức 2.272 USD/tấn, giảm 1,0% so với tháng 6/2022.

Căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu khiến trạng lạm phát tăng cao, nhu cầu tiêu thụ suy yếu và giá cà phê ở mức thấp. Nếu xung đột vũ trang Nga và U-crai-na chưa sớm chấm dứt, giá cà phê sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp trong các tháng còn lại của quý 3/2022.

Trị giá xuất khẩu cà phê qua các quý giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: triệu USD)

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang khu vực châu Âu và châu Á giảm so với quý 1/2022, nhưng xuất khẩu sang khu vực châu Mỹ tăng 33,2%; châu Đại Dương tăng 12,1%; châu Phi tăng 11%. So với quý 2/2021, xuất khẩu cà phê sang tất cả các châu lục tăng. Trong đó, tốc độ xuất khẩu sang châu Đại Dương tăng cao nhất (tăng 134,6%); châu Á thấp nhất (tăng 8,2%).

Cơ cấu khu vực xuất khẩu cà phê trong quý 2

(tỷ trọng tính theo trị giá)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý 2/2022 so với quý 1/2022, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường khu vực châu Âu giảm, ngoại trừ Nga. Đối với khu vực châu Á, xuất khẩu cà phê sang nhiều thị trường giảm, ngoại trừ Thái Lan, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ. Đối với khu vực châu Mỹ, xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ, Ca-na-đa tăng. So với quý 2/2021, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường tăng, ngoại trừ Phi-líp-pin, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu cà phê lớn trong quý 2

(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý 2/2022 so với quý 1/2022, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica giảm, nhưng xuất khẩu cà phê chế biến và Excelsa tăng. So với quý 2/2021, xuất khẩu cà phê

Robusta, Arabica và cà phê chế biến tăng, nhưng xuất khẩu cà phê Excelsa giảm. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cà phê Robusta tăng 44,7% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 1,67 tỷ USD; Arabica tăng 74,9%, đạt 179,37 triệu USD; cà phê chế biến tăng 9,5%, đạt 312,7 triệu USD. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Excelsa giảm 30,2%, đạt trên 2 triệu USD.

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu trong quý 2

(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

5 tháng đầu năm 2022, ngành cà phê xuất khẩu của Việt Nam cũng được hưởng lợi nhờ nhu cầu nhập khẩu từ các nền kinh tế lớn trên thế giới tăng. Điều kiện làm việc thay đổi do tác động của dịch bệnh, cùng với việc nâng cao mức sống, được dự đoán là sẽ thúc đẩy nhu cầu trên thị trường toàn cầu. Nhu cầu cà phê đã mở rộng đáng kể ra ngoài các thị trường như Liên minh Châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Bắc Mỹ, Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Âu là những nơi tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới. Tại Châu Á - Thái Bình Dương, Nhật Bản dẫn đầu thị trường, tiếp theo là Trung Quốc và Hàn Quốc. Nhu cầu dài hạn sẽ tăng trong những năm tới, có khả năng trở thành một trong những thị trường phát triển nhanh nhất.

ICO dự báo ngành cà phê toàn cầu sẽ đối mặt với khó khăn trong ngắn hạn, do suy thoái kinh tế và nhu cầu tiêu thụ chậm. Theo Reuters, xung đột vũ trang giữa Nga

và U-crai-na sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu và tạo ra thặng dư trong niên vụ 2022/2023. Tiêu thụ cà phê của Nga được dự đoán sẽ giảm gần 1 triệu bao; U-crai-na giảm khoảng 400.000 bao.

Rabobank dự báo nhu cầu cà phê của Nga sẽ giảm 25% và U-crai-na giảm 50%. Rabobank dự đoán sẽ có sự chuyển dịch trong cán cân cung ứng từ mức thâm hụt 5,1 triệu bao trong niên vụ 2021/22 sang thặng dư 1,7 triệu bao vào năm 2022/23.

Thị trường Hoa Kỳ

Theo https://www.verifiedmarketresearch.com cho biết, quy mô thị trường cà phê Hoa Kỳ tăng trưởng trong vài năm gần đây và dự kiến sẽ tăng trưởng tốt, bình quân 6,74% trong giai đoạn 2020 – 2027. Nhờ lợi ích sức khỏe liên quan đến cà phê cùng với xu hướng tiêu dùng thay đổi được dự đoán sẽ thúc đẩy thị trường của phê Hoa Kỳ. Dân số trẻ cùng với nhu cầu gia tăng, và sự ra đời của các chuỗi quán cà phê phù hợp với mức chi tiêu tiêu dùng của người dân Hoa Kỳ là yếu tố làm tăng tốc độ tăng trưởng của thị trường cà phê này.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ đạt 3,94 tỷ USD, tăng 53,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 143,82 triệu USD, tăng 40%. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 3,64% trong 5 tháng đầu năm 2022, thấp hơn so với thị phần 3,99% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Thị trường Đức

Đức là nhà nhập khẩu cà phê lớn nhất châu Âu. Ngành công nghiệp rang cà phê của Đức rất lớn, phục vụ cả thị trường Liên minh châu Âu và thị trường xuất khẩu khác. Dự kiến thị trường cà phê Đức sẽ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 3,09% trong giai đoạn 2022 – 2027.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của Đức đạt 2,36 tỷ USD, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Đức nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 239,28 triệu USD, tăng 60,5%. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Đức tăng từ 9,24% trong 5 tháng đầu năm 2021 lên 10,11% trong 5 tháng đầu năm 2022.

5 thị trường nhập khẩu cà phê lớn và thị phần của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2021 (%)	5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2021
Hoa Kỳ	3.946.917	53,1	143.824	40,0	3,64	3,99
Đức	2.366.519	46,6	239.278	60,5	10,11	9,24
Pháp	1.394.393	11,0	25.245	37,7	1,81	1,46
Nhật Bản	798.736	48,2	124.597	64,3	15,60	14,07
Ca-na-đa	759.000	43,1	9.841	39,8	1,30	1,33

Nguồn: ITC

(*) Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- *Theo Tổng cục Phát triển Hạt điều và Ca cao (DCCD) Ấn Độ, nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng, nhập khẩu hạt điều thô của Ấn Độ sẽ chạm mốc 1 triệu tấn trong năm nay.*
- *Theo Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu hạt điều (HS 080132) của nước này 5 tháng đầu năm 2022 đạt trên 22 nghìn tấn, trị giá 171,4 triệu USD, giảm 4,3% về lượng và giảm 5,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.*
- *Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong quý 2/2022 đạt 145 nghìn tấn, trị giá 879,8 triệu USD, tăng 37,5% về lượng và tăng 40,1% về trị giá so với quý 1/2022, nhưng giảm 10% về lượng và giảm 11% về trị giá so với quý 2/2021.*
- *5 tháng đầu năm 2022, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Anh tăng.*

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

Tiêu thụ hạt điều tại thị trường nội địa Ấn Độ tăng mạnh khiến xuất khẩu giảm: Ấn Độ là một trong những nước tiêu thụ hạt điều lớn nhất thế giới, hơn 300.000 tấn/năm. Những người áp dụng chế độ ăn thuần chay dựa trên thực vật ưu tiên các nguồn protein thay thế, dẫn đến nhu cầu về các loại hạt và thực phẩm chế biến từ hạt tăng cao. Hậu Covid-19, người dân Ấn Độ có xu hướng chuyển sang sử dụng nhiều hơn các loại thực phẩm tốt cho sức khỏe, bao gồm các loại hạt. Điều này khiến cho nhu cầu tiêu thụ hạt điều tại thị trường nội địa Ấn Độ tăng vọt. Do đó, Ấn Độ tăng mạnh nhập khẩu hạt điều thô từ châu Phi.

Theo số liệu từ Tổng cục Phát triển Hạt điều và Ca cao (DCCD), Ấn Độ sản xuất 750.000 tấn hạt điều trong năm 2022; nhập khẩu 939.000 tấn. Do nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng, nhập khẩu hạt điều thô sẽ chạm mốc 1 triệu tấn trong năm nay. Năng lực chế biến hạt điều của Ấn Độ ước tính sẽ tăng lên 1,8 triệu tấn năm 2022, cao hơn so với 1,5 triệu tấn năm 2021.

Thị trường đang trở nên nhạy cảm với giá cả, lạm phát tăng cao, kinh tế gặp khó khăn do chịu tác động kép dịch Covid-19 và xung đột vũ trang giữa Nga – Ucrai-na. Hiện giá hạt điều cao cấp tại Ấn Độ giảm từ 950 – 1.200 Rupe/kg xuống còn 700 – 850 Rupe/kg.

Theo Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu hạt điều (HS 080132) của nước này 5 tháng đầu năm 2022 đạt trên 22 nghìn tấn, trị giá 171,4 triệu USD, giảm 4,3% về lượng và giảm 5,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Ấn Độ giảm xuất khẩu hạt điều sang các thị trường Ả rập Xê út, Nhật Bản, Tây Ban Nha, nhưng tăng xuất khẩu sang Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất và Hà Lan.

5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Ấn Độ trong 5 tháng đầu năm 2022

Thị trường	5 tháng năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	**22.089**	**171.400**	**7.760**	**-4,3**	**-5,5**	**-1,2**
Các TVQ Ả rập Thống nhất	8.339	64.310	7.712	24,4	21,8	-2,1
Ả rập Xê út	2.587	20.490	7.920	-17,3	-16,9	0,5
Hà Lan	2.517	18.640	7.406	0,7	4,2	3,4
Nhật Bản	1.694	13.830	8.164	-30,0	-28,1	2,7
Tây Ban Nha	1.109	9.730	8.774	-1,6	-5,8	-4,3
Thị trường khác	5.843	44.400	7.599	-18,9	-21,3	-3,0

Nguồn: Bộ Thương mại Ấn Độ

(*) HS 080832 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

QUÝ 2/2022, XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU TĂNG SO VỚI QUÝ 1/2022, NHƯNG GIẢM SO VỚI QUÝ 2/2021

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong quý 2/2022 đạt 145 nghìn tấn, trị giá 879,8 triệu USD, tăng 37,5% về lượng và tăng 40,1% về trị giá so với quý 1/2022, nhưng giảm 10% về lượng và giảm 11% về trị giá so với quý 2/2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 249,36 nghìn tấn, trị giá 1,5 tỷ USD, giảm 9,1% về lượng và giảm 9,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Dự báo xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong các tháng còn lại của quý 3/2022 sẽ vẫn gặp khó khăn. Lạm phát tăng cao tại nhiều nền kinh tế lớn toàn cầu khiến người dân thắt chặt chi tiêu, đặc biệt đối với các sản phẩm có giá thành cao. Giá cước vận tải ở mức cao, giá hạt điều nhân nhập khẩu cao (tăng từ 15 – 20% so với cùng kỳ năm 2021), trong khi giá sản phẩm chế biến giảm 10,4%, xuống còn 5.782 USD/tấn trong tháng 7/2022, các nhà máy không thể cân đối giá thành chế biến và giá xuất khẩu. Theo ước tính, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 7/2022 giảm 3,2% về lượng và giảm 8,7% về trị giá so với tháng 6/2022, so với tháng 7/2021 giảm 17,5% về lượng và giảm 26,1% về trị giá. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều đạt 294 nghìn tấn, trị giá 1,76 tỷ USD, giảm 10,5% về lượng và giảm 12,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu hạt điều qua các quý giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: triệu USD)

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quý 2/2022 so với quý 1/2022, trị giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang châu Á tăng 92,8%; sang châu Âu tăng 31%; sang châu Mỹ tăng 20,7%, trong khi xuất khẩu sang châu Phi và châu Đại Dương giảm lần lượt 17,3% và 4,8%. So với quý 2/2021, trị giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang hầu hết các châu lục giảm, ngoại trừ châu Á tăng 2,5% và châu Phi tăng 1,4%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các châu lục giảm, ngoại trừ xuất khẩu sang châu Phi tăng 9,2%.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu hạt điều trong quý 2

(tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý 2/2022 so với quý 1/2022, trị giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang hầu hết các thị trường truyền thống tăng, ngoại trừ Đức giảm 6,2%; Úc giảm 10,2%; Ca-na-đa giảm 2,0%. So với quý 2/2021, trị giá xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường truyền thống giảm, ngoại trừ Thổ Nhĩ Kỳ tăng 67,8%; Anh tăng 6,6%; Ix-ra-en tăng 183,8%; I-rắc tăng 147,9%.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều trong quý 2

(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý 2/2022 so với quý 1/2022, trị giá xuất khẩu hầu hết các chủng loại hạt điều tăng, ngoại trừ hạt điều SP giảm 9,9%. So với quý 2/2021, trị giá xuất khẩu nhiều chủng loại hạt điều giảm, như W320 giảm 10%; W240 giảm 22,9%, trong khi hạt điều W180 tăng 28%; WS/WB tăng 26,7%; LP tăng 29,3%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu hạt điều W320 giảm 7,5%; W240 giảm 17,2%.

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu trong quý 2

(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

5 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu hạt điều của các thị trường có dung lượng lớn trên thế giới tăng so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường hạt điều toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng bình quân 4,6% trong giai đoạn 2022 – 2027. Xu hướng toàn cầu đang ưa chuộng chế độ ăn thuần chay và thực vật, ưu tiên các nguồn protein thay thế, dẫn đến nhu cầu tăng cao đối với các loại hạt và thực phẩm chế biến từ hạt.

Ngày càng có nhiều nhà sản xuất sản phẩm làm từ hạt điều đã thu hút người tiêu dùng bằng việc tung ra các sản

phẩm mới và sáng tạo, như sản phẩm sữa chua bơ hạt điều ở Hoa Kỳ và hạt điều rang tẩm gia vị ở Ấn Độ. Trong khi đó, tại Nam Mỹ, việc tiêu thụ hạt điều trong chế độ ăn của người tiêu dùng vẫn ổn định. Tại châu Á, hạt điều được sử dụng như một nguyên liệu chính để chế biến các món ăn ngọt và mặn khác nhau. Tại châu Âu, do ý thức về sức khỏe của người tiêu dùng ngày càng cao, tiêu thụ hạt điều ngày càng tăng. Gần đây, hạt điều cũng ngày càng được sử dụng nhiều hơn như một thành phần trong các món ăn và đồ ăn nhẹ,.

Thị trường Trung Quốc : Trung Quốc dẫn đầu khu vực về nhập khẩu hạt điều. Các loại hạt đã trở thành một thành phần chính trong chế độ ăn uống của người Trung Quốc kể từ khi Chính sách Y tế Quốc gia ra đời có tên là "Hướng dẫn chế độ ăn uống cho người dân Trung Quốc", nhấn mạnh đến việc tiêu thụ các loại hạt hàng ngày. Do đó, nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc có xu hướng tăng.

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá nhập khẩu hạt điều của nước này trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 82,46 triệu USD, tăng 74,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều của Việt Nam đạt xấp xỉ 71,36 triệu USD, tăng 86%. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 81,04% trong 5 tháng đầu năm 2021 lên 86,53% trong 5 tháng đầu năm 2022.

Thị trường Pháp: Pháp là thị trường nhập khẩu hạt điều lớn thứ 3 tại EU. Mặc dù đang có lợi thế về thuế nhờ EVFTA, nhưng ngành điều Việt Nam chưa khai thác tốt thị trường này. Theo ITC, 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu hạt điều của Pháp đạt 53,84 triệu USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Pháp nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt gần 34,29 triệu USD, giảm 0,4%. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Pháp giảm từ 64,95% trong 5 tháng đầu năm 2021 xuống 63,68% trong 5 tháng đầu năm 2022. Theo Tham tán Thương mại Việt Nam tại Pháp, thị phần hạt điều của nước ta tại Pháp giảm do tính cạnh tranh của hạt điều Việt Nam chưa cao. Tại các siêu thị, đại siêu thị của Pháp chưa có sản phẩm hạt điều mang thương hiệu Việt Nam. Đa phần doanh nghiệp mới chỉ tập trung bán sỉ mà chưa quan tâm phát triển thương hiệu. Để nâng cao giá trị sản phẩm và gia tăng thị phần hạt điều Việt Nam tại Pháp, EVFTA là công cụ tốt nhưng ngoài quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan, đáp ứng các quy định của EU và Pháp là tối quan trọng. Hệ thống pháp luật liên quan đến thực phẩm của EU và Pháp khá phức tạp, có quy định riêng về độc tố nấm mốc, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hàm lượng kim loại nặng, chất ô nhiễm vi sinh. Trước khi đưa hàng hoá vào thị trường Pháp, doanh nghiệp nên tìm văn phòng luật sư hỗ trợ, họ có thể cập nhật thông tin mới nhất, hỗ trợ xây dựng hợp đồng và hỗ trợ trong quá trình giao dịch để tránh rủi ro.

5 thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất thế giới và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2021 (%)	5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2021
Hoa Kỳ	441.186	13,2	392.245	14,8	88,91	87,64
Đức	173.991	0,2	117.284	12,8	67,41	59,87
Trung Quốc	82.465	74,2	71.357	86,0	86,53	81,04
Anh	57.263	10,8	50.374	64,6	87,97	59,22
Pháp	53.843	1,6	34.288	-0,4	63,68	64,95

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế; Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- *Châu Á chiếm 69% thị phần sản xuất dưa trên toàn cầu.*
- *Trong 6 tháng đầu năm 2022, Chi-lê xuất khẩu 1,82 triệu tấn trái cây tươi, đạt 3,899 triệu USD, tăng 8,3% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.*
- *Thị phần hàng rau quả của Việt Nam tăng tại các thị trường nhập khẩu lớn, trừ thị trường Pháp, Ca-na-đa và Nhật Bản.*
- *Tháng 7/2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả tăng trưởng tháng thứ 2 liên tiếp, đạt 260 triệu USD, tăng 0,3% so với tháng 6/2022, nhưng vẫn giảm 1,8% so với tháng 7/2021.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thế giới: Theo nguồn freshplaza.com, dưa lưới được xếp hạng trong số những loại trái cây phổ biến nhất trên thế giới, tạo ra hơn 27 tỷ USD doanh thu thị trường vào năm 2018. Theo Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc, châu Á chiếm 69% thị phần sản xuất dưa lưới trên toàn cầu. Trong đó, Trung Quốc dẫn đầu lượng dưa lưới, chỉ tính riêng năm 2020 đã trồng được gần 14 triệu tấn dưa. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng là thị trường tiêu thụ nhiều dưa lưới nhất trên thế giới, lượng dưa lưới mà nước này tiêu thụ cao hơn cả lượng sản xuất trong nước, đạt khoảng 17 triệu tấn, chiếm 53% nguồn cung dưa lưới trên toàn cầu.

Chi-lê: Theo Văn phòng Nghiên cứu và Chính sách Nông nghiệp của Chi-lê, trong 6 tháng đầu năm 2022, nước này đã xuất khẩu 1,82 triệu tấn trái cây tươi, đạt 3,899 triệu USD, tăng 8,3% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, nho là chủng loại trái cây chính xuất khẩu trong nửa đầu năm 2022, đạt 602 nghìn tấn, trị giá 921 triệu USD, tăng 15,8% về lượng và tăng 1,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Chi-lê xuất khẩu nho nhiều nhất tới thị trường Hoa Kỳ, chiếm 48% tổng trị giá xuất khẩu quả nho của Chi-lê, tiếp theo là Trung Quốc chiếm 14%.

Xuất khẩu quả anh đào của Chi-lê trong nửa đầu năm 2022 đạt 285 nghìn tấn, trị giá 1,59 triệu USD, tăng 7,2% về lượng và tăng 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Quả anh đào của Chi-lê xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Trung Quốc, chiếm 90% tổng trị giá xuất khẩu quả anh đào.

Quả việt quất xuất khẩu lớn thứ 3, đạt 90.000 tấn, trị giá 401,9 triệu USD, giảm 6% về lượng và giảm 17% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Quả việt quất xuất khẩu tới Hoa Kỳ chiếm 47% tổng trị giá xuất khẩu quả việt quất của Chi-lê, tiếp theo là Hà Lan chiếm 22%.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng rau quả trong quý 2/2022 đạt 830,2 triệu USD, giảm 2,2% so với quý trước, giảm 21,7% so với quý 2/2021. Trong nửa đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả đạt 1,68 tỷ USD, giảm 17,1% so với năm 2021.

Nửa cuối năm 2022, xuất khẩu hàng rau quả sẽ khả quan hơn. Tháng 7/2022 xuất khẩu hàng rau quả tăng trưởng tháng thứ 2 liên tiếp, ước đạt 260 triệu USD, tăng 0,3% so với tháng 6/2022, nhưng giảm 1,8% so với tháng 7/2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, tổng trị giá xuất khẩu hàng rau quả đạt ước 1,7 tỷ USD, giảm 17,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc đang có nhiều tín hiệu tích cực. Hoạt động thông quan mặt hàng rau quả qua các cửa khẩu biên giới đất liền với Trung Quốc thuận lợi hơn. Theo đó, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam có nhiều triển vọng tăng trưởng sang thị trường này, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt, bởi nhu cầu tiêu thụ hàng rau quả tại Trung Quốc sẽ tăng mạnh. Tín hiệu tích cực khi một số mặt hàng rau quả của Việt Nam gần đây được cấp phép xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc góp phần nâng cao trị giá xuất khẩu hàng rau quả trong thời gian tới. Từ 01/7/2022, phía Trung Quốc đã đồng ý nhập khẩu thí điểm chanh leo Việt Nam qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc; ngày 11/7/2022 Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã kí Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả sầu riêng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc.

Tuy nhiên, đà tăng trưởng của ngành hàng này vẫn chưa thể bứt phá trong năm 2022, nếu Trung Quốc chưa gỡ bỏ chính sách "Zero Covid" và xung đột giữa Nga và U-crai-na vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt và tình hình lạm phát cao tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm vẫn là rào cản đối với hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam.

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam theo quý năm 2020 - 2022

(ĐVT: Triệu USD)

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về thị trường: Khu vực châu Á là thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn nhất của Việt Nam trong nửa đầu năm 2022, tuy nhiên tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả sang khu vực này đang có xu hướng giảm, bởi trị giá xuất khẩu sang thị trường lớn nhất là Trung Quốc giảm mạnh.

Đáng chú ý, hàng rau quả xuất khẩu sang khu vực châu Mỹ và châu Âu tăng tỷ trọng xuất khẩu trong nửa đầu năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang châu Mỹ đạt 162,1 triệu USD, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2021; xuất khẩu sang châu Âu đạt 144,4 triệu USD, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2021. Đây là các khu vực có tiêu chuẩn khắt khe đối với hàng rau quả, vì vậy xuất khẩu hàng rau quả được vào các thị trường này, ngành hàng rau quả của Việt Nam có kỳ vọng xuất khẩu sang nhiều thị trường khác và làm giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc.

Do đó, việc nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng các tiêu chuẩn nhập khẩu của các thị trường khó tính, kết hợp đa dạng hóa đối tượng khách hàng và thị trường xuất khẩu nông sản để tránh phụ thuộc vào thị trường truyền thống sẽ thúc đẩy xuất khẩu ngành hàng rau quả của Việt Nam trong thời gian tới.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam

(% theo trị giá)

6 tháng năm 2022

6 tháng năm 2021

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: Trong cơ cấu chủng loại hàng rau quả xuất khẩu trong nửa đầu năm 2022, tỷ trọng xuất khẩu quả và quả hạch giảm, tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến, hàng rau củ và hoa tăng.

Chủng loại hàng quả và quả hạch xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao, tuy nhiên trị giá xuất khẩu chủng loại này giảm mạnh trong nửa đầu năm 2022, đạt 1,1 tỷ USD, giảm 24,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chủng loại quả và quả hạch xuất khẩu tới khu vực châu Á chiếm 86% tổng trị giá xuất khẩu chủng loại quả và quả hạch. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu quả và quả hạch trọng điểm trong khu vực châu Á, vì vậy xuất khẩu quả và quả hạch sang thị trường này giảm mạnh là nguyên nhân chính khiến chủng loại quả và quả hạch xuất khẩu của Việt Nam giảm. Với chính sách "Zero Covid", khiến Trung Quốc tiên tục tăng cường các biện pháp phòng dịch, khiến tốc độ giao hàng chậm, hàng hóa bị ùn ứ ở các cửa khẩu, cảng biển. Cùng với đó, tác động từ cuộc xung đột giữa Nga và U-crai-na làm chi phí xăng dầu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng. Các nhà sản xuất gặp nhiều khó khăn khi giá nông sản không tăng mà thậm chí giảm, trong khi chi phí đầu vào tăng mạnh.

Cơ cấu chủng loại hàng rau quả xuất khẩu

(ĐVT: % theo trị giá)

6 tháng năm 2022

6 tháng năm 2021

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 10 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HÀNG RAU QUẢ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu hàng rau quả (HS 06,07,08 và 20, trong đó HS08 không tính HS 080131 và 080132) lớn nhất thế giới. Trong 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này của Hoa Kỳ đạt 25,5 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 0,75% tổng trị giá nhập khẩu, tăng 0,15 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Như vậy, dư địa xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Hoa Kỳ là rất lớn. Nhưng để xuất khẩu được sang thị trường này, doanh nghiệp Việt Nam cần đảm bảo về chất lượng, độ đồng đều, ổn định trong mỗi lô hàng xuất khẩu để các nhà bán lẻ có thể đặt hàng dài hạn.

Đức là thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn thứ 2 trên thế giới, trong 5 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu mặt hàng này của Đức đạt 13,1 tỷ USD, giảm 5,5% so cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 0,19% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Đức trong 5 tháng đầu năm 2022. Để xuất khẩu hàng rau quả vào thị trường Đức, các doanh nghiệp xuất khẩu cần nắm chắc và tuân thủ nghiêm túc những quy định của thị trường Đức.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn thứ 3 trên thế giới. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu mặt hàng này của Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 10,3 tỷ USD, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 9,5% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Trung Quốc. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu hàng rau quả quan trọng của Việt Nam. Tuy nhiên, Trung Quốc không còn là thị trường dễ tính. Với từng loại trái cây, Cơ quan kiểm nghiệm, kiểm dịch của Trung Quốc sẽ tiến hành đánh giá rủi ro về vệ sinh dịch tễ, sau đó mới quyết định cho phép nhập khẩu vào Trung Quốc. Do đó, các doanh nghiệp trong ngành hàng rau quả của Việt Nam phải thay đổi phương thức sản xuất theo hướng an toàn, có các tiêu chuẩn cụ thể, quản lý quy trình canh tác, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc trong thời gian tới.

10 thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn nhất trên thế giới và thị phần của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2022

Thị trường	5 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
			5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2021
Hoa Kỳ	25.518.788	17,2	0,75	0,60
Đức	13.073.243	-5,5	0,19	0,11
Trung Quốc (*)	10.255.216	11,1	9,47	6,75
Anh	8.054.424	15,2	0,17	0,10
Pháp	7.301.407	-2,1	0,29	0,33
Ca-na-đa	5.542.884	7,6	0,45	0,51
Nhật Bản	4.357.628	6,9	1,77	1,84
Tây Ban Nha	3.295.391	-3,1	0,11	0,10
Hồng Kông	2.938.812	-17,0	1,29	0,95
Hàn Quốc	1.975.175	5,3	5,75	4,77

*Nguồn: ITC; * Cơ quan Hải quan Trung Quốc*

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN

- *Trong quý 2/2022, giá sắn tại Thái Lan tăng so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, giá có xu hướng giảm trở lại trong mấy tuần gần đây.*
- *Xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam trong quý 2/2022 tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu sắn và các sản phẩm sắn toàn cầu tăng.*
- *Trong 5 tháng đầu năm 2022, nhu cầu nhập khẩu sắn của các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2021.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Trong quý 2/2022, giá sắn tại Thái Lan biến động nhẹ, giá có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021. Giá sàn xuất khẩu sắn lát dao động ở mức 270-295 USD/tấn, FOB-Băng Cốc trong quý 2/2022; giá sắn nguyên liệu dao động trong khoảng 2,45-3,5 Baht/kg; tinh bột sắn nội địa dao động ở mức 15,5-17,5 Baht/kg; giá tinh bột sắn xuất khẩu dao động ở mức 500-540 USD/tấn.

Tuy nhiên, giá có xu hướng giảm trở lại trong mấy tuần gần đây. Trong tháng 7/2022, Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan 4 lần điều chỉnh giảm giá tinh bột sắn. Ngày 26/7/2022, giá sàn xuất khẩu tinh bột sắn được điều chỉnh giảm xuống mức 520 USD/tấn, giảm 20 USD/tấn so với cuối tháng 6/2022; Giá thu mua tinh bột sắn nội địa cũng được điều chỉnh giảm xuống mức 17,4 Baht/kg, giảm 0,1 Baht/kg so với cuối tháng 6/2022.

Hiệp hội thương mại khoai mỳ Thái Lan trong tháng 7/2022 cũng 3 lần thông báo điều chỉnh giảm giá xuất khẩu sắn lát, trong khi giá sắn nguyên liệu lại tăng. Ngày 28/7/2022, giá sàn xuất khẩu sắn lát được điều chỉnh xuống mức 275-280 USD/tấn, FOB-Băng Cốc, giảm 15 USD/tấn so với cuối tháng 6/2022; trong khi giá sắn nguyên liệu được điều chỉnh lên mức 2,8-3,55 Baht/kg, tăng 0,05-0,1 Baht/kg so với cuối tháng 6/2022.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, 6 tháng đầu năm 2022, Thái Lan xuất khẩu được 4 triệu tấn sắn lát (HS 07141011), trị giá 33,51 tỷ Baht (tương

đương 915,66 triệu USD), tăng 40,1% về lượng và tăng 55,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,5% tổng lượng sắn lát xuất khẩu của Thái Lan với 3,98 triệu tấn, trị giá 33,33 tỷ Baht (tương đương 910,55 triệu USD), tăng 39,4% về lượng và tăng 54,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. (Tỷ giá 1 Baht = 0,02732 USD).

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Thái Lan xuất khẩu được 1,86 triệu tấn tinh bột sắn (HS 11081400), trị giá 30,09 tỷ Baht (tương đương 822,14 triệu USD), tăng 4,3% về lượng và tăng 22,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu tinh bột sắn sang Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 60,1% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với gần 1,12 triệu tấn, trị giá 17,74 tỷ Baht (tương đương 484,6 triệu USD), giảm 13,6% về lượng, nhưng tăng 1,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021;

tiếp đến là In-đô-nê-xi-a đứng vị trí thứ 2, chiếm 11%, với 204,22 nghìn tấn, tăng 934,6% và thị trường Đài Loan đứng ở vị trí thứ 3, chiếm 8,2%, với 153,41 nghìn tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan trong 6 tháng đầu năm 2022 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm; trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Đài Loan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a lại tăng.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan
(% tính theo lượng)

6 tháng đầu năm 2021

6 tháng đầu năm 2022

Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Thời gian qua, giá tinh bột sắn thành phẩm tại Tây Ninh biến động nhẹ, do thời tiết nắng nóng khiến nhu cầu tiêu thụ tinh bột sắn yếu hơn, tuy nhiên tiêu thụ nội địa vẫn khá tốt nên hiện nay các nhà máy vẫn tập trung khai thác thị trường nội địa.

Hiện một số nhà máy tinh bột sắn tại Đắk Lắk bắt đầu thu mua nguyên liệu trở lại sau hơn hai tháng nghỉ bảo dưỡng. Các nhà máy tinh bột sắn phía Bắc đang đưa hàng lên cửa khẩu để giải phóng hàng tồn kho trước khi vụ mới bắt đầu từ tháng 9 tới. Trong khi đó, phía Trung Quốc nhận hàng vẫn khá chậm, nhu cầu tiêu thụ yếu hơn do đang trong mùa nắng nóng, đồng thời giá bán tinh bột sắn tại Trung Quốc giảm nên các chủ hàng Việt Nam giảm giá bán.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẮN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý 2/2022, xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam đạt 778,8 nghìn tấn, trị giá 344,11 triệu USD, tăng 26,6% về lượng và tăng 38,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam trong quý 2/2022 tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu sắn và các sản phẩm sắn toàn cầu tăng.

Kim ngạch xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn qua các quý năm 2020 – 2022 (ĐVT: triệu USD)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu: Trong quý 2/2022, sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang khu vực châu Á, chiếm tới 98,6% tổng trị giá xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của cả nước. Quý 2/2022, xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn sang khu vực châu Á đạt 772,33 nghìn tấn, trị giá 339,42 triệu USD, tăng 26,7% về lượng và tăng 38,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam (% tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý 2/2022, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam, với 699,48 nghìn tấn, trị giá 308,15 triệu USD, tăng 27% về lượng và tăng 38,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 89,5% trong tổng trị giá xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của cả nước.

Dự báo thời gian tới nhu cầu của Trung Quốc đối với sắn và tinh bột sắn vẫn cao, là cơ hội tốt để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này. Hiện nay tại Trung Quốc, tinh bột sắn của Việt Nam bị cạnh tranh bởi sắn của Thái Lan và Lào. Ngoài ra, thị trường Trung Quốc hay thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu gây ảnh hưởng không nhỏ tới doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam, trong đó có ngành sắn.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam
(% tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: Quý 2/2022, tinh bột sắn là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 80,5% tổng trị giá sắn và các sản phẩm sắn xuất khẩu của cả nước, với 559,24 nghìn tấn, trị giá 276,94 triệu USD, tăng 37,5% về lượng và tăng 43,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 92,5% tổng trị giá tinh bột sắn xuất khẩu của cả nước, với 520,87 nghìn tấn, trị giá 256,1 triệu USD, tăng 34,6% về lượng và tăng 39,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong quý 2/2022, xuất khẩu sắn lát khô đạt 222,08 nghìn tấn, trị giá 66,17 triệu USD, tăng 7,1% về lượng và tăng 20,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 78,2% tổng trị giá sắn lát khô xuất khẩu của cả nước, với 180,02 nghìn tấn, trị giá 51,72 triệu USD, tăng 9,5% về lượng và tăng 28,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Chủng loại sắn và phẩm sắn xuất khẩu của Việt Nam (% tính theo trị giá)

Quý 2/2021

Quý 2/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

NHẬP KHẨU SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong 5 tháng đầu năm 2022, nhu cầu nhập khẩu sắn của các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân là do các nhà nhập khẩu tìm kiếm các sản phẩm thay thế ngũ cốc, trước nguy cơ khủng hoảng lương thực do chiến sự tại U-crai-na. Tuy nhiên trừ Trung Quốc, thì thị phần sắn của Việt Nam tại các thị trường này đều ở mức thấp.

Dự báo thời gian tới, nhu cầu mua sắn và tinh bột sắn từ các nhà nhập khẩu nước ngoài vẫn tăng do các nước tăng cường dự trữ lương thực, ngũ cốc cho tiêu dùng. Ngoài ra, các ngành công nghiệp năng lượng và thức ăn chăn nuôi cũng chuyển sang nhập khẩu các sản phẩm từ sắn để thay thế, dẫn đến tăng nhu cầu đối với sắn.

Trong 5 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu sắn và tinh bột sắn lớn nhất thế giới và cũng là thị trường tiêu thụ sắn và các sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam. Trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu tinh bột của Trung Quốc đạt 1,05 tỷ USD, tăng 46,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 379,67 triệu USD, tăng 270% so với cùng kỳ năm 2021, thị phần tinh bột sắn của Việt Nam chiếm 35,9% trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc, tăng mạnh so với mức 14,2% của cùng kỳ năm 2021.

Nhập sắn của Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 1,05 triệu USD, tăng 45,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 108,7 triệu USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2021, thị phần sắn của Việt Nam chiếm 10,3% trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc, giảm so với mức 14,3% của cùng kỳ năm 2021.

5 thị trường nhập khẩu sắn và tinh bột sắn lớn nhất thế giới trong 5 tháng đầu năm 2022 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Tổng nhập khẩu		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần sắn và tinh bột sắn của Việt Nam (%)	
	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	5 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	5 tháng năm 2021	5 tháng năm 2022
Tinh bột sắn (HS 110814)						
Trung Quốc (*)	1.056.551	46,2	379.674	270,0	14,2	35,9
Đài Loan	83.703	25,1	7.542	-2,0	11,5	9,0
In-đô-nê-xi-a	71.450	1.700,7	2.952	0	0	4,1
Ma-lai-xi-a	50.188	80,4	1.400	27,6	3,9	2,8
Nhật Bản	26.331	1,7	119	-50,2	0,9	0,5
Sắn (HS 071410)						
Trung Quốc (*)	1.052.519	45,2	108.707	4,6	14,3	10,3
Thái Lan	428.305	29,0	0	0		
Hoa Kỳ	40.547	16,4	636	103,2	0,9	1,6
Hàn Quốc	39.527	84,0	19.567	29,8	70,2	49,5
Pháp	4.341	27,5	122	281,3	0,9	2,8

*Nguồn: ITC, * Cơ quan Hải quan Trung Quốc*

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- *Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) dự báo 3 kịch bản cho ngành thủy sản toàn cầu vào năm 2050.*
- *Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của các thị trường lớn có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại so với các tháng đầu năm 2022.*
- *Trong nước, sản lượng thủy sản nuôi trồng quý 2/2022 tăng, trong khi sản lượng thủy sản khai thác giảm.*
- *Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn nhưng xuất khẩu thủy sản trong quý 2/2022 vẫn tăng trưởng khả quan.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) dự báo 3 kịch bản cho ngành thủy sản toàn cầu vào năm 2050.

- Kịch bản thứ nhất: Sản lượng thủy sản đánh bắt tăng nhẹ, chủ yếu do cải thiện khâu quản lý. Nuôi trồng thủy sản ngày càng giữ vai trò quan trọng, dù tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với các thập kỷ trước.

Về tiêu thụ, kịch bản này dự báo mức tiêu thụ cá và hải sản bình quân tăng từ mức 20,2 kg/người ước tính vào năm 2020 lên 22,3 kg/người vào năm 2050.

Đây là kịch bản FAO coi là hợp lý nhất do xuất phát từ việc ngoại suy các xu hướng trung bình được ước tính bởi mô hình của FAO cho đến năm 2050. Mô hình sử dụng tập hợp các giả định kinh tế vĩ mô và các mức giá đã chọn chứ không chỉ dự đoán về tăng trưởng. Tuy nhiên, những giả định này không hoàn toàn chắc chắn trong thời gian dài và cần được điều chỉnh thường xuyên.

- Kịch bản thứ 2 dự báo việc mở rộng nuôi trồng thủy sản trên toàn thế giới gặp khó khăn. Việc tiếp tục sử dụng các phương pháp không bền vững dẫn đến sự suy thoái của nhiều dự án mới khiến tăng trưởng nuôi trồng thủy sản bị hạn chế và sản lượng đánh bắt tự nhiên giảm nhẹ.

Theo kịch bản thứ 2, nghề đánh bắt tự nhiên, cả biển và nội địa, sẽ tiếp tục làm

suy giảm nguồn tài nguyên hàng năm cho đến năm 2050; kịch bản cũng dự báo sản lượng năm 2050 sẽ giảm 9,6%, phù hợp với dự báo về tác động của biến đổi khí hậu.

Mặt khác, việc không giải quyết được các hình thức đánh bắt quá mức hiện nay và tăng trưởng nuôi trồng thủy sản giảm sẽ dẫn đến tiêu thụ thủy sản bình quân giảm xuống 18,5 kg/người vào năm 2050, trở lại mức trước năm 2012.

- Kịch bản thứ 3 dự báo một số kết quả tích cực, nuôi trồng thủy sản phát triển và được mở rộng một cách bền vững nhờ sản lượng tăng và đầu tư sâu rộng hơn vào nông nghiệp. Một số kết quả tích cực cũng được mong đợi đối với nghề đánh bắt trên biển, với mức tăng trưởng hướng tới sản lượng bền vững tối đa ước tính, đạt 95,5 triệu tấn vào năm 2050. Thủy sản đánh bắt nội địa dự kiến sẽ tăng lên 13,5 triệu tấn.

Mức tiêu thụ bình quân tăng lên đạt 25,5kg/người, về mặt lý thuyết sẽ có thể

thực hiện được thông qua phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh và sáng tạo, kết hợp với quản lý hiệu quả, đầy tham vọng đối với tất cả nghề đánh bắt trên toàn thế giới .

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, sự không chắc chắn của dự báo bị chi phối chủ yếu bởi đại dịch Covid-19 và các tác động liên quan khi chuỗi giá trị toàn cầu và thương mại vẫn đang phục hồi. Hơn nữa, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine có thể gây ra nhiều ảnh hưởng đến thương mại, giá cả, hậu cần, sản xuất, đầu tư, tăng trưởng kinh tế và sinh kế, gây ra những hậu quả đáng kể về an ninh lương thực không chỉ riêng tại Ukraine mà còn có tác động lớn cũng đối với ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN TRONG NƯỚC

Theo Tổng cục thống kê, sản lượng thủy sản của VIệt Nam quý 2/2022 ước đạt 2.333,3 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.659,3 nghìn tấn, tăng 1,7%; tôm đạt 339,5 nghìn tấn, tăng 11,5%; thủy sản khác đạt 334,5 nghìn tấn, tăng 1,3%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản của cả nước ước đạt 4.196,8 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 3.044,4 nghìn tấn, tăng 1,7%; tôm đạt 520 nghìn tấn, tăng 9,4%; thủy sản khác đạt 632,4 nghìn tấn, tăng 1,2%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý 2/2022 ước đạt 1.279,7 nghìn tấn, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 836,3 nghìn tấn, tăng 8,3%; tôm đạt 300,3 nghìn tấn, tăng 13,6%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 2.267,7 nghìn tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.552,8 nghìn tấn, tăng 6,5%; tôm đạt 448,4 nghìn tấn, tăng 11,3%; thủy sản khác đạt 266,5 nghìn tấn, tăng 5,8%.

Sản lượng cá tra quý 2/2022 ước đạt 429,9 nghìn tấn, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng cá tra 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 772,5 nghìn tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang quý 2/2022 giảm so với quý 1/2022, nhưng vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021.

Sản lượng tôm cũng tăng do nhu cầu tiêu thụ tôm trong nước và xuất khẩu tăng, giá tôm thẻ chân trắng quý 2/2022 vẫn ở mức cao. Nuôi tôm thẻ chân trắng tiếp tục chuyển đổi từ nuôi thâm canh sang siêu thâm canh hoặc nuôi thâm canh với mật độ cao hơn. Một số địa phương bắt đầu nuôi tôm thẻ chân trắng nước ngọt do đạt hiệu quả kinh tế cao và ít dịch bệnh. Sản lượng tôm thẻ chân trắng quý 2/2022 ước đạt 210,6 nghìn tấn, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 70,9 nghìn tấn, tăng 4,9%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 299,7 nghìn tấn, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 117,9 nghìn tấn, tăng 2,5%.

Sản lượng thủy sản khai thác quý 2/2022 ước đạt 1.053,6 nghìn tấn, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước do giá nhiên liệu tăng cao làm chi phí đánh bắt tăng. Trong đó, cá đạt 823 nghìn tấn, giảm 4,3%; tôm đạt 39,2 nghìn tấn, giảm 2%; thủy sản khác đạt 191,4 nghìn tấn, giảm 1,8%. Sản lượng thủy sản khai thác biển trong quý 2/2022 ước đạt 1.008,9 nghìn tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.929,1 nghìn tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.491,6 nghìn tấn, giảm 2,9%; tôm đạt 71,6 nghìn tấn, giảm 1,2%; thủy sản khác đạt 365,9 nghìn tấn, giảm 1,8%.

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý 2/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 634,84 nghìn tấn, trị giá 3,18 tỷ USD, tăng 15,9% về lượng và tăng 33,3% so với quý 2/2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản đạt 1,16 triệu tấn, trị giá 5,7 tỷ USD, tăng 18% về lượng và tăng 38,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Như vậy, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn như chi phí đầu vào và chi phí vận chuyển ở mức cao, và tác động của căng thẳng giữa Nga và U-crai-na, nhưng xuất khẩu thủy sản trong quý 2/2022 vẫn tăng trưởng khả quan. 6 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt mức kỷ lục. Trong đó, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2022 đều đạt mức tăng trưởng cao cả về lượng lẫn trị giá so với 6 tháng đầu năm 2021.

Tôm là mặt hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất trong 6 tháng đầu năm 2022, đạt 226,8 nghìn tấn, trị giá 2,2 tỷ USD, tăng 19,2% về lượng và tăng 30,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu cá tra, basa 6 tháng đầu năm 2022 cũng đạt mức kỷ lục, đạt 491,1 nghìn tấn, trị giá 1,4 tỷ USD, tăng 26,3% về lượng và tăng 81,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Chả cá và cá đóng hộp là 2 mặt hàng duy nhất có trị giá xuất khẩu giảm trong 6 tháng đầu năm 2022.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2022

Mặt hàng	Quý 2/2022		So với quý 2/2021 (%)		6 tháng đầu năm 2022		So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	634.838	3.181.214	15,9	33,3	1.164.297	5.705.001	18,0	38,4
Tôm các loại	131.537	1.299.183	13,3	22,3	226.841	2.244.381	19,2	30,4
Cá tra, basa	258.958	771.370	21,9	76,7	491.102	1.425.007	26,3	81,9
Cá đông lạnh	64.725	303.452	29,7	30,3	109.986	526.733	18,1	21,2
Cá ngừ các loại	46.525	293.601	7,6	43,5	90.818	551.919	16,9	55,0
Chả cá	45.308	105.866	-10,0	-3,8	83.873	194.684	-6,9	-0,1
Mực các loại	18.915	107.316	34,4	44,2	34.430	192.019	41,4	42,3
Bạch tuộc các loại	10.186	77.001	-7,1	2,6	19.325	145.808	2,0	12,3
Cá khô	20.192	70.817	22,5	11,4	36.704	131.464	-0,1	2,7
Cua các loại	2.333	31.452	7,5	37,0	4.843	60.663	11,8	42,4
Nghêu các loại	12.767	30.623	6,7	17,1	21.483	51.349	10,7	23,5
Cá đóng hộp	6.209	19.758	-4,5	4,3	11.900	35.843	-18,7	-10,8
Ghẹ các loại	1.419	18.072	53,6	16,9	3.184	38.982	28,3	34,5
Trứng cá	977	16.232	75,5	114,6	1.671	27.422	50,3	67,3
Mắm	2.125	5.471	-56,0	-25,2	5.897	13.959	-34,0	3,3
Cá sống	4.136	6.783	2.901,4	1.067,8	7.503	12.714	134,8	122,6
Sò các loại	503	5.061	2,0	9,3	1.098	10.583	9,9	21,9
Mặt hàng khác	8.026	19.160	18,6	-18,6	13.641	41.474	19,7	-0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản đã có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại do lạm phát toàn cầu cao khiến người dân thắt chặt chi tiêu. Tháng 6/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 201,2 nghìn tấn, trị giá 1 tỷ USD, chỉ tăng 10,1% về lượng và tăng 18,8% so với tháng 6/2021. Xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản đã có dấu hiện chậm lại trong tháng 6/2022. Trong đó, xuất khẩu tôm tháng 6/2022 giảm 3,1% về lượng và giảm 1,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021; xuất khẩu cá tra chỉ tăng 7,5% về lượng; cá ngừ tăng 6,8%... Trong khi đó, xuất khẩu cá đông lạnh, cá khô, ghẹ... lại tăng mạnh hơn so với mức tăng 6 tháng đầu năm 2021.

Việc đồng USD tăng giá so với nhiều đồng tiền khác như Yên Nhật, Euro khiến hàng nhập khẩu vào các thị trường này trở nên đắt hơn cũng sẽ tác động đến nhu cầu nhập khẩu của các đối tác. Tại thị trường trong nước, tình trạng thiếu hụt nguyên liệu trong các tháng cuối năm cũng sẽ khiến xuất khẩu thủy sản gặp khó khăn hơn so với 6 tháng đầu năm 2022.

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA 10 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI CÁC THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Theo tính toán từ số liệu của ITC, nhập khẩu thủy sản của 10 thị trường lớn nhất thế giới trong 4 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, sang tháng 5/2022, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Đức đã chậm lại so với 4 tháng đầu năm 2022.

Xu hướng nhập khẩu thủy sản của 10 quốc gia nhập khẩu lớn nhất thế giới năm 2021 – 2022 (ĐVT: triệu USD)

Nguồn: ITC, Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Nhập khẩu thủy sản của 10 thị trường lớn nhất thế giới các tháng đầu năm 2022

Thị trường	4 tháng đầu năm 2022 (triệu USD)	So với 4 tháng năm 2021 (%)	Tháng 5/2022 (triệu USD)	So với tháng 5/2021 (%)
Hoa Kỳ	10.786	35,4	3.497	25,8
Trung Quốc (*)	5.193	37,0	1.450	35,2
Nhật Bản	4.761	15,8	1.136	10,3
Tây Ban Nha	3.070	21,1	818	24,5
Pháp	2.438	11,2	675	8,0
Ý	2.637	18,9		
Hàn Quốc	2.213	22,8	573	28,8
Đức	1.969	2,7	507	-2,8
Thụy Điển	2.067	17,6		
Hà Lan	1.714	7,9		

Nguồn: ITC, (*) Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong các tháng tới, nhiều khả năng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ và các nước châu Âu sẽ chậm lại do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, lạm phát cao khiến nhu cầu của người tiêu dùng giảm.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- *Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc tăng 0,7% trong nửa đầu năm 2022.*
- *Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm.*
- *Ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 7/2022 đạt 1,35 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng 7/2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tháng 7/2022 ước đạt 1,05 tỷ USD, tăng 0,5% so với tháng 7/2021.*

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý 2/2022, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 6,4 tỷ USD, tăng 0,3% so với quý 2/2021. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2022**,** trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 11,98 tỷ USD, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới thị trường Hoa Kỳ với trị giá chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nửa đầu năm 2022, đạt 3,7 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là thị trường Úc đạt 771,97 triệu USD, tăng 7,2%; Nhật Bản đạt 752,6 triệu USD, tăng 5,3%; Anh đạt 664,6 triệu USD, giảm 18,9%...

Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu của Trung Quốc, ghế khung gỗ và đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu nhiều nhất, với trị giá xuất khẩu chiếm 78,3% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong nửa đầu năm 2022.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong quý 2/2022 đạt 4,4 tỷ USD, giảm 0,4% so với quý 2/2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ trong quý 2/2022 đạt 3,06 tỷ USD, giảm 11,5% so với quý 2/2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 8,4 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 6,06 tỷ USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Theo thông lệ, nửa cuối năm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thường cao hơn so với đầu năm do nhu cầu hoàn thiện, sửa sang, trang trí lại nội thất tăng cao vào cuối năm tại nhiều thị trường xuất khẩu chính. Trong tháng đầu tiên của quý 3/2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng trưởng khả quan hơn. Ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 7/2022 đạt 1,35 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng 7/2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tháng 7/2022 ước đạt 1,05 tỷ USD, tăng 0,5% so với tháng 7/2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 9,7 tỷ USD, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 7,1 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Tuy nhiên, đối mặt với tình trạng lạm phát đang gia tăng mạnh tại các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam là Mỹ và các nước EU, khiến cho người dân ở các quốc gia này có xu hướng thắt chặt hơn chi tiêu, đặc biệt là đối với các mặt hàng không thiết yếu, dẫn tới nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm. Cùng với đó, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na chưa có dấu hiệu chấm dứt, đẩy giá xăng dầu tăng cao trong nửa đầu năm và chưa có dấu hiệu dừng lại. Do đó, chi phí của doanh nghiệp có thể sẽ tiếp tục tăng lên, ảnh hưởng đến giá bán và sức cạnh tranh của sản phẩm. Dự báo xuất khẩu của ngành gỗ trong nửa cuối năm vẫn còn nhiều thách thức và khó hoàn thành mục tiêu xuất khẩu 16,5 tỷ USD trong năm 2022.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ theo quý giai đoạn năm 2020 – 2022 *ĐVT: Tỷ USD)*

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về thị trường: Trong nửa đầu năm 2022, gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường châu Mỹ, với trị giá chiếm 60,8% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này giảm 3,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021, do trị giá xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ giảm. Nền kinh tế Hoa Kỳ đang đối mặt với tình trạng lạm phát cao, khiến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa đang có xu hướng giảm, tác động trực tiếp tới hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường này.

Đáng chú ý, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới khu vực châu Á chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu các châu lục, và tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này đang có xu hướng tăng khả quan. Tiếp theo là các khu vực khác như châu Âu, châu Đại Dương và châu Phi.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam
(% theo trị giá)

6 tháng năm 2022

6 tháng năm 2021

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng: Đồ nội thất là nhóm hàng xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch đạt

5,5 tỷ USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2021. Nhóm mặt hàng này xuất khẩu chủ yếu tới khu vực châu Mỹ, với tỷ trọng chiếm 80,6% tổng trị giá xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, đạt 4,4 tỷ USD, giảm 5,7%; Tiếp theo là khu vực châu Á đạt 530,9 triệu USD, giảm 11,7%; Đáng chú ý, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang các khu vực như châu Đại Dương và châu Phi chỉ chiếm tỷ trọng thấp, nhưng lại tăng trưởng khả quan trong nửa đầu năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang châu Đại Dương tăng 6,6% và châu Phi tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Tiếp theo là mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng cao trong nửa đầu năm 2022, kim ngạch đạt 1,17 tỷ USD, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trị giá xuất khẩu mặt hàng dăm gỗ tới khu vực châu Á chiếm 99,6% tổng trị giá xuất khẩu dăm gỗ trong nửa đầu năm 2022.

Mặt hàng gỗ, ván và ván sàn là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 3 trong nửa đầu năm 2022, đạt 1,09 tỷ USD, tăng 20,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, trị giá xuất khẩu gỗ, ván và ván sàn tới khu vực châu Á và châu Mỹ chiếm 93,9% tổng trị giá xuất khẩu mặt hàng gỗ, ván và ván sàn.

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu *(% theo trị giá)*

6 tháng năm 2022

6 tháng năm 2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 10 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo Trung tâm nghiên cứu công nghiệp I-ta-li-a (CSIL), thị trường đồ nội thất thế giới đạt khoảng 500 tỷ USD trong năm 2021, đạt mức tiêu thụ cao hơn nhiều so với trước đại dịch. Trong số 10 thị trường nhập khẩu đồ nội thất hàng đầu thế giới, Hoa Kỳ, Đức, Anh và Pháp chiếm khoảng 1/3 lượng tiêu thụ đồ nội thất thế giới.

5 tháng đầu năm 2022, 4 quốc gia này tiếp tục là những thị trường dẫn đầu về nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất trên thị trường thế giới, đạt 13,5 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2021. Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Hoa Kỳ, chiếm 36,9% tổng trị giá nhập khẩu vào thị trường này. Các sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là các sản phẩm giá thấp, nhưng lạm phát tăng cao ở Hoa Kỳ đang ảnh hưởng lớn tới những người có thu nhập trung bình và thấp. Việc thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng đang tác động tới nhu cầu đồ

nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ.

Nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức 5 tháng đầu năm 2022 đạt 2,7 tỷ USD, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức từ Việt Nam chỉ chiếm 3,8% về trị giá. Thị phần nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam của Đức vẫn còn tương đối nhỏ trong tổng nhập khẩu.

5 thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất thế giới và thị phần của Việt Nam 5 tháng năm 2022

Thị trường	5 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
			5 tháng 2022	5 tháng 2021
Hoa Kỳ	13.457.313	14,7	36,9	40,7
Đức	2.700.938	-0,2	3,8	2,9
Anh	2.429.306	26,3	7,6	7,6
Pháp	2.045.574	2,7	4,8	4,6
Ca-na-đa	1.138.724	4,8	15,1	17,9

Nguồn: ITC

Anh là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 3 thế giới, nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này của Anh tăng mạnh trong 5 tháng đầu năm 2022, đạt 2,4 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 7,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Pháp là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 4 trên thị trường thế giới, nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp cũng luôn ở mức cao. Trong giai đoạn năm 2017 – 2021, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp trung bình đạt 3,9 tỷ USD/năm, tăng trưởng bình quân 8,5%/năm. 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp đạt 2 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp từ Việt Nam chỉ chiếm 4,8% trong tổng nhập khẩu, vẫn còn rất thấp so với nhu cầu nhập khẩu của thị trường.

TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản

Ngày 28/7/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư 06/2022/TT-BNNPTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Cụ thể, theo quy định mới, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch gồm: sản phẩm động vật thủy sản (bao gồm cả phôi, trứng, tinh dịch và ấu trùng của các loài thủy sản) ở dạng tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh; các đối tượng sản phẩm động vật thủy sản khác thuộc diện phải kiểm dịch theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt nam ký kết hoặc gia nhập.

Ngoài ra, Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản miễn kiểm dịch, cụ thể, danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản miễn kiểm dịch gồm: động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu thuộc diện ngoại giao; sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công xuất khẩu, sản xuất xuất khẩu; sản phẩm động vật thủy sản làm hàng mẫu thử nghiệm; sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để trưng bày hội chợ, triển lãm; sản phẩm động vật thủy sản làm thực phẩm xuất khẩu bị triệu hồi hoặc trả về.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2022.